

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 01 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Dương;
- Bà Lê Thị Phương Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1262/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 766/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm: 1973 (Có mặt).

Nơi thường trú: Số F Tỉnh lộ 15, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: Số A Tỉnh lộ 15, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1975 (Vắng mặt).

Nơi thường trú: Số F Tỉnh lộ 15, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 21/10/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Lê Thanh T trình bày:

Ông và bà Phạm Thị L quen biết tìm hiểu nhau và tự nguyện xây dựng gia đình năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, có tổ chức cưới. Sau khi xây dựng gia đình xong, vợ chồng ông mua đất cất nhà sống riêng tại xã N, huyện C. Sống hạnh phúc tuy cũng có một vài mâu thuẫn nhỏ, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bà L ghen tuông vô cớ, có những hành động và việc làm làm ông mất mặt với bạn bè, bà L còn kêu con gái cùng đi đánh ghen, gây mất trật tự bị Công an các xã N, A, A mời làm việc, ông có giải thích, khuyên can nhưng bà L không nghe, không khí trong gia đình rất nặng nề, ngột ngạt,

từ lúc nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi cho đến nay, ông đã về căn nhà tại xã A, huyện C sinh sống, ông đã suy nghĩ rất nhiều và nhận thấy giữa ông và bà L không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau, do vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn.

Ông và bà L có 02 con chung đều đã thành niên tên Lê Thị L1, sinh ngày 06/5/1994 và Lê Thanh T1, sinh ngày 29/6/1998.

Về tài sản chung ông và bà L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

** Bị đơn là ông Phạm Thị L vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 21/10/2024 và tại phiên tòa, ông Lê Thanh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho ông ly hôn với bà Phạm Thị L, con chung có 02 cháu đều đã thành niên, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là bà L hiện đang cư trú tại địa chỉ số F Tỉnh lộ 15, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điều a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là bà Phạm Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (bà L nhận trực tiếp các văn bản tố tụng nêu trên) nhưng vẫn không đến Tòa án, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Thanh T và bà Phạm Thị L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 80, ngày 16/10/1998 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của ông T thì ông và bà L tự nguyện xây dựng gia đình năm 1998, sống hạnh phúc tuy cũng có vài mâu thuẫn nhỏ, đến năm 2023 mâu thuẫn trầm trọng vì bà L ghen tuông vô cớ, làm ông mất uy tín với bạn bè, địa phương, chính quyền địa phương đã nhiều lần mời làm việc, bà L còn kêu con gái đi đánh ghen cùng, ông cảm thấy giữa ông và bà L không còn tiếng nói chung, không thể hàn gắn, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét bà L không đến Tòa án theo giấy triệu tập để có ý kiến về mối quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T, điều đó cho thấy bà L không còn muốn duy trì quan hệ vợ chồng cùng với ông T, do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do ông T cung cấp, hiện ông T và bà L không còn chung sống cùng một địa chỉ, do đó Hội đồng xét xử xét không cần thiết phải xác minh về tình trạng hôn nhân của ông bà tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Nhận thấy tình trạng quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà L là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Ông T và bà L có 02 con chung đều đã thành niên tên Lê Thị L1, sinh ngày 06/5/1994 và Lê Thanh T1, sinh ngày 29/6/1998.

[5] Về tài sản chung:

Ông T xác định tài sản chung ông và bà L tự thỏa thuận.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung:

Ông T xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc ông Lê Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Lê Thanh T về việc cho ly hôn giữa ông Lê Thanh T và bà Phạm Thị L.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 80, ngày 16/10/1998 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Ông Lê Thanh T và bà Phạm Thị L có 02 con chung đều đã thành niên tên Lê Thị L1, sinh ngày 06/5/1994 và Lê Thanh T1, sinh ngày 29/6/1998.

3. Về tài sản chung: Ông Lê Thanh T xác định tài sản chung ông và bà Phạm Thị Loan tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Lê Thanh T xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Ông Lê Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016532 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Ông T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thúy Ái

